TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 12 – 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Thạch Dương Nhanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Sà R**, sinh ngày 01/01/1984.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lý Vành N**, sinh ngày 08/10/1974.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thị Sà R trình bày:

Bà Lý Thị Sà R và ông Lý Vành N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 02/2001 và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2014, tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; là hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian đầu chung sống rất yên ổn, nhưng về sau thì vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc. Tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn gần gũi, giao tiếp với nhau. Nay bà Sà R không còn tình cảm vợ chồng với ông N, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà Sà R yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Sà R và ông Lý Vành N có 03 con chung tên Lý Thị Na R1, sinh ngày 06/9/2001; Lý Na R2, sinh ngày 30/10/2004, đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết; Lý Thị Na R3, sinh ngày 26/5/2012 hiện đang sống chung với bà Sà R và ông N. Khi ly hôn, bà Sà R yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Na R3, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà R với ông N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà R với ông N không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là ông Lý Vành N trình bày:

Ông N thống nhất với nguyên đơn bà Lý Thị Sà R về thời gian sống chung, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông với bà Sà R còn sống chung nhà, ông còn thương vợ con, nhưng do bà Sà R vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì vậy nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên Ông cũng đồng ý ly hôn.

Ông N đồng ý giao con chung là Lý Thị Na R3, sinh ngày 26/5/2012 cho bà Sà R tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành; Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông với bà R tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ nên Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Sà R với ông N thống nhất với nhau về: Thời gian sống chung với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử khẳng định các tình tiết này theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng sự thật.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 148/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nay là Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố Cần Thơ cấp thì bà R và ông N đã đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật vào ngày 02/7/2014.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tuy sống chung nhà nhưng bà với ông N không còn quan tâm, gần gũi với nhau, bà không còn tình cảm với ông N nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Tại phiên toà, ông N cũng đồng ý lý hôn. Do vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà R và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R.

[2.2] Về con chung:

Bà R với ông N có 03 con chung tên Lý Thị Na R1, sinh ngày 06/9/2001; Lý Na R2, sinh ngày 30/10/2004, đều đã trưởng thành, các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết; Lý Thị Na R3, sinh ngày 26/5/2012 hiện nay sống chung với bà R, ông N. Bà R yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Na R3.

Xét thấy, cháu Na R3 đang chung sống với bà Sà R từ khi sinh ra cho đến nay; theo biên bản ngày 13/11/2025 của Toà án ghi ý kiến của cháu Lý Thị Na R3 thì cháu Na R3 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Lý Thị Sà R; đồng thời tại phiên toà, ông N cũng đồng ý giao cháu Na R3 cho bà R nuôi dưỡng. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; cũng nhằm ổn định cuộc sống cho con chung sau khi cha mẹ ly hôn, nên cần giao cháu Na R3 cho bà Rây tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà R; ông N cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Sà R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông N cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Rây là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Sà R.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lý Thị Sà R được ly hôn với bị đơn ông Lý Vành N.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Lý Thị Na R3, sinh ngày 26/5/2012 cho bà Lý Thị Sà R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Ông Lý Vành N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung là Lý Thị Na R3, sinh ngày 26/5/2012 được sống chung với bà Lý Thị Sà R.

- Ông Lý Vành N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; bà Lý Thị Sà R cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lý Vành N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Ông Lý Vành N không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Sà R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006107 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; như vậy, bà R đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ;
- Uỷ ban nhân dân xã Lai Hoà, thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh